CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 4 **Số 59 (15/4/2009)**

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ	
31-3-2009	Quyết định số 27/QĐ-UBND về đổi tên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.	3
03-4-2009	Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh.	5
07-4-2009	Quyết định số 29/2009/QĐ-UBND về chế độ phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố.	19
	SỞ XÂY DỰNG	
02-4-2009	Công văn số 2187/SXD-CPXD về việc cấp phép xây dựng trong khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng.	21
	ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9	
20-02-2009	Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND về việc chia tách Tổ dân phố tại Khu phố 1 và Khu phố 3 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B.	23
06-3-2009	Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND về việc chia tách Tổ dân phố tại Khu phố 2 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B.	25

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

02-4-2009 Chỉ thị số 02/2009/CT-UBND về tăng cường vận động hiến máu nhân đạo năm 2009. 28

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

01-4-2009 Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú. 31

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

27-3-2009 Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy định về định mức sử dụng, giá nước cho các nhóm đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ. 43

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 27/2009/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Về đổi tên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố thành Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố tại Tờ trình số 410/TTr-SNV ngày 25 tháng 3 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đổi tên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố thành Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt; đồng thời, chuyển bộ phận tham mưu công tác Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố về Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 50/2001/QĐ-UB ngày 12 tháng 6 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố

về đổi tên Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thành Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28/2009/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Thông tư số 06/2008/TT-BNV ngày 21 tháng 8 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Mục III Phần I Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 56/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về sáp nhập Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn giáo - Dân tộc vào Sở Nội vụ và bổ sung chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, quản lý về văn thư lưu trữ nhà nước cho Sở Nội vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 52/Tr-SNV ngày 09 tháng 01 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về nội vụ, bao gồm các lĩnh vực: tổ chức bộ máy; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ công chức phường - xã, thị trấn; tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ; các tổ chức hành chính, sự nghiệp thuộc các Bộ - ngành Trung ương và các địa phương, các tổ chức hội thuộc Trung ương trú đóng trên địa bàn thành phố; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo và dân tộc; thi đua - khen thưởng.

Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Trụ sở làm việc của Sở Nội vụ đặt tại số 86B, đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nội vụ, của Ủy ban Dân tộc.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ của Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm và các đề án, dự án; chương trình biện pháp tổ chức thực hiện thuộc các lĩnh vực ghi tại Điều 1 Quy chế này.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

3. Về tổ chức bộ máy:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện.

b) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn, các chi cục thuộc cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

c) Thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập các tổ chức phối hợp liên ngành của thành phố theo quy định của pháp luật.

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ tại xã, phường, thị trấn và các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Công tác xây dựng chính quyền địa phương:

a) Hướng dẫn tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn thành phố.

b) Giúp các tổ chức bầu cử hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật.

c) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân quận - huyện. Giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn các chức danh bầu cử theo quy định của pháp luật.

d) Tham mưu giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, xã, thị trấn; thống kê số lượng, chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên Ủy ban nhân dân thành phố, xã, thị trấn để tổng hợp báo cáo theo quy định.

6. Về công tác địa giới hành chính và phân loại đơn vị hành chính:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các nguyên tắc về quản lý, phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn thành phố theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

b) Theo dõi, quản lý địa giới hành chính của thành phố theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; chuẩn bị các đề án, thủ tục đề nghị việc thành lập mới, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới, đổi tên, phân loại đơn vị hành chính, nâng cấp đô thị theo quy định; hướng dẫn và tổ chức thực hiện sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các vấn đề tranh chấp địa giới hành chính; tổng hợp để thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề về tranh chấp địa giới hành chính còn có ý kiến khác nhau;

d) Tổng hợp và quản lý hồ sơ địa giới, mốc, chỉ giới hành chính của thành phố theo hướng dẫn và quy định của Bộ Nội vụ;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của ấp, tổ dân phố theo quy định của pháp luật và của Bộ Nội vụ.

7. Về công tác cán bộ, công chức, viên chức:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn;

b) Trình Ủy ban nhân dân thành phố các đề án về phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và cán bộ, công chức cấp phường; chính sách, chế độ tiền lương, trợ cấp và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức

nhà nước, cán bộ dân cử; luân chuyển, kỷ luật, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản về tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

d) Thống nhất quản lý và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong và ngoài nước sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Hướng dẫn, kiểm tra việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng và việc thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

đ) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc tuyển dụng, đánh giá, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh và cơ cấu cán bộ, công chức nhà nước; tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn theo quy định của pháp luật và của Bộ Nội vụ.

8. Về quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch biên chế để trình Hội đồng nhân dân thành phố phê chuẩn tổng biên chế sự nghiệp và thông qua tổng biên chế hành chính hàng năm;

b) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp đối với cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện.

c) Hướng dẫn quản lý, sử dụng biên chế đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị sự nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

9. Về công tác cải cách hành chính:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân công các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách các nội dung, công việc của cải cách

hành chính, bao gồm: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trong thành phố; chủ trì, phối hợp các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn thành phố triển khai cải cách hành chính;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn triển khai công tác cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của thành phố đã được phê duyệt; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các sở - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp chung việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế đối với cơ quan nhà nước và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

đ) Định kỳ hàng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố công tác cải cách hành chính; giúp Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng báo cáo với Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ về công tác cải cách hành chính theo quy định.

10. Về công tác tổ chức hội và các tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn thành phố:

a) Thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền cho phép thành lập, giải thể, phê duyệt điều lệ của hội, tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ đối với hội, tổ chức phi Chính phủ trong thành phố. Trình Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo thẩm quyền đối với các hội, tổ chức phi Chính phủ vi phạm các quy định của pháp luật, Điều lệ hội;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hỗ trợ định xuất và các chế độ, chính sách khác đối với tổ chức hội theo quy định của pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội trên địa bàn thành phố báo cáo Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân thành phố.

11. Về công tác văn thư, lưu trữ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố chấp hành các chế độ, quy định pháp luật về văn thư, lưu trữ;

b) Hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về thu thập, bảo vệ, bảo quản và tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố và Trung tâm Lưu trữ thành phố;

c) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt "Danh mục nguồn và thành phần tài liệu thuộc diện nộp lưu vào Trung tâm Lưu trữ thành phố"; thẩm tra "Danh mục tài liệu hết giá trị" của Trung tâm Lưu trữ thành phố và của các cơ quan thuộc Danh mục nguồn nộp lưu vào Trung tâm Lưu trữ thành phố và Lưu trữ quận - huyện.

12. Về công tác tôn giáo và dân tộc:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, dân tộc và công tác tôn giáo, dân tộc trên địa bàn thành phố;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo và dân tộc trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác tôn giáo và dân tộc;

d) Làm đầu mối liên hệ giữa chính quyền địa phương với các tổ chức tôn giáo trên địa bàn thành phố;

đ) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chính sách về dân tộc.

13. Về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, thống nhất quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của thành phố; làm nhiệm vụ Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố;

b) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố tổ chức các phong trào thi đua; nhân rộng các điển hình tiên

tiến; sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và công tác khen thưởng; phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến Luật Thi đua, khen thưởng; tổ chức thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố; thực hiện việc tổ chức và trao tặng các hình thức khen thưởng theo quy định của Nhà nước;

c) Xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật; quản lý, cấp phát, thu hồi, cấp đổi hiện vật khen thưởng theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng.

14. Thực hiện công tác hợp tác quốc tế về nội vụ và các lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

15. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra về công tác nội vụ; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực công tác được Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

16. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác nội vụ và các lĩnh vực khác được giao đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

17. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo lĩnh vực công tác được giao đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của các Bộ - ngành Trung ương, các hội và địa phương khác trú đóng, hoạt động trên địa bàn thành phố.

18. Tổng hợp, thống kê theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về tổ chức các cơ quan hành chính, sự nghiệp; số lượng đơn vị hành chính quận - huyện, phường - xã, thị trấn và khu phố, tổ dân phố, ấp; số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn; công tác văn thư lưu trữ nhà nước, công tác tôn giáo, công tác thi đua khen thưởng và các lĩnh vực khác được giao theo quy định của pháp luật.

19. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ, số liệu phục vụ công tác quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

20. Chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức các hoạt động dịch vụ công trong các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Sở.

21. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nội vụ.

22. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc Sở theo quy định.

23. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân xã, thị trấn và các cuộc họp định kỳ của Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

2. Xem xét, thỏa thuận để Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thành phố quyết định thành lập hoặc tổ chức lại các phòng, ban chuyên môn trực thuộc.

3. Xem xét, thỏa thuận cho các đơn vị sự nghiệp thuộc các Bộ - ngành Trung ương và các địa phương (trừ báo chí); các tổ chức hội thuộc Trung ương trú đóng và hoạt động trên địa bàn thành phố theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Quyết định tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức đối với các cơ quan Trung ương, tỉnh, thành phố khác, lực lượng Công an, Quân đội chuyển ngành, các doanh nghiệp nhà nước và các đoàn thể đến công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc biên chế thành phố theo phân cấp.

5. Quyết định nâng lương niên hạn, nâng lương trước niên hạn; bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch chuyên viên và tương đương; chuyển xếp lại ngạch, bậc lương cho cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương không giữ chức vụ lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, quận - huyện và tương đương.

6. Quyết định điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Yêu cầu thủ trưởng các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, cung cấp thông tin về các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ.

8. Tổ chức các cuộc họp với đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố để phổ biến, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ.

9. Thực hiện thanh tra theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị hành chính, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công trong việc thực hiện các quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức; về địa giới hành chính và các mặt công tác khác thuộc phạm vi trách nhiệm của Sở Nội vụ; đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố về biện pháp giải quyết hoặc trực tiếp giải quyết những vấn đề phát sinh theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 5. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Sở:

a) Sở Nội vụ có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

b) Giám đốc là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Sở theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Nội vụ ban hành, theo các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ và theo quy định của pháp luật;

đ) Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở:

Sở Nội vụ có các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị thuộc Sở.

a) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng;

- Thanh tra;

- Phòng Sở, ngành;

- Phòng Xây dựng chính quyền;

- Phòng Cải cách hành chính;

- Phòng Công chức, viên chức;

- Phòng Quản lý Văn thư, Lưu trữ.

b) Các tổ chức tương đương Chi cục trực thuộc Sở Nội vụ (có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng):

- Ban Tôn giáo - Dân tộc;

- Ban Thi đua - Khen thưởng.

c) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

- Trung tâm Lưu trữ thành phố.

Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thành lập các tổ chức sự nghiệp khác thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

3. Biên chế của Sở:

Biên chế của Sở Nội vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính của thành phố.

Chương IV
CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc

1. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc; Sở Nội vụ báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác, dự các cuộc họp do Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc triệu tập.

2. Khi chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 7. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành

phố; Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Đối với những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Sở mà Sở Nội vụ và các sở - ngành, quận - huyện còn ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 8. Đối với các Ban của Thành ủy

Sở Nội vụ phối hợp với các Ban của Thành ủy để tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy; tham khảo ý kiến của các Ban Đảng khi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến nhiệm vụ của Sở.

Điều 9. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể thành phố

Sở Nội vụ chủ động tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể thành phố trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Sở nhằm phối hợp thực hiện những chủ trương, chính sách của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Đối với các cơ quan chuyên môn thành phố

1. Sở Nội vụ quan hệ với các cơ quan chuyên môn thành phố theo nguyên tắc phối hợp công việc, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước và của thành phố liên quan đến công tác chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tổ chức theo quy định của pháp luật và của thành phố.

2. Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về chủ trương, chính sách có liên quan đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ phải trao đổi ý kiến với các cơ quan chuyên môn có liên quan.

Điều 11. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và của thành phố các nội dung về công tác chuyên môn, nghiệp vụ tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ cho Phòng Nội vụ quận - huyện.

2. Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về chính sách, chủ trương liên quan đến quận - huyện, Sở Nội vụ phải trao đổi ý kiến với Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Nội vụ ban hành quy định chế độ làm việc của Sở, quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc, bố trí nhân sự cho các phòng - ban để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn của thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29/2009/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về chế độ phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố và Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, kỳ họp thứ 14 về chế độ phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 226/TTr-SNV ngày 23 tháng 02 năm 2009 về phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Lực lượng Bảo vệ dân phố được thành lập theo Quyết định số 81/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố được hưởng mức phụ cấp 900.000 đồng/người/tháng.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Tổ trưởng, Tổ phó Bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn và khu phố được hưởng phụ cấp trách nhiệm 100.000 đồng/người/tháng.

3. Thời gian thực hiện: áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thị trấn thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

SỞ XÂY DỰNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2187/SXD-CPXD
Về việc cấp phép xây dựng trong khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2009

Kính gửi: Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện

Ngày 17 tháng 3 năm 2009, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 397/BXD-HĐXD về việc hướng dẫn cấp giấy phép xây dựng trong khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt theo ý kiến đề xuất của Sở Xây dựng tại Công văn số 401/SXD-CPXD ngày 19 tháng 01 năm 2009. Để giải quyết việc cấp phép xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn nêu trên, Sở Xây dựng triển khai cụ thể với nội dung như sau:

1. Đối với khu vực được xác định trong quy hoạch chung xây dựng đô thị là các công trình hạ tầng kỹ thuật (như: nhà ga, bến xe, đường dự phóng, hành lang bảo vệ đường ray xe lửa, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước… và hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật), các công trình hạ tầng xã hội (như: trường học, bệnh viện, công viên, nhà văn hóa…) mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch: được xem xét cấp giấy phép xây dựng tạm có thời hạn theo thời hạn thực hiện quy hoạch, nhưng phải phù hợp với mục đích sử dụng đất hoặc kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đối với các công trình, nhà ở trong khu vực hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật hiện hữu; hành lang bảo vệ bờ sông, kênh, rạch và hành lang bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật mà Nhà nước chưa có chủ trương, kế hoạch thực hiện di dời các công trình, nhà ở đó ra khỏi khu vực nêu trên: không được phép xây dựng mới, chỉ được sửa chữa, cải tạo nhưng không làm thay đổi quy mô diện tích, kết cấu chịu lực an toàn của công trình.

3. Đối với công trình, nhà ở nằm trong phạm vi quy hoạch lộ giới của các tuyến đường hiện hữu trong đô thị nhưng chưa có kế hoạch thực hiện mở rộng đường theo lộ giới quy hoạch: được phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở nhưng không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu hiện trạng cũ hoặc cấp giấy phép xây dựng tạm để xây dựng cải tạo công trình, nhà ở với quy mô bán kiên cố 01 tầng (trệt, tường gạch, mái tôn hoặc ngói). Nếu hiện trạng là đất trống, không cho phép xây dựng mới công trình, nhà ở; cho phép cải tạo lại hàng rào, cổng hiện hữu nhưng phải phù hợp với quy định về kiến trúc tại Điều 18 Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Đối với các khu vực dân cư hiện hữu ổn định, đã có hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước): được cấp Giấy phép xây dựng công trình, nhà ở nhưng phải phù hợp với quy hoạch chung hoặc quy hoạch chi tiết được duyệt và phải đảm bảo các quy định về kiến trúc, cảnh quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm phải cập nhật, bổ sung các khu vực dân cư hiện hữu ổn định nêu trên vào quy hoạch theo đúng quy định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện căn cứ các nội dung trên và thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2006 và Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố để thực hiện theo đúng quy định./.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Bền

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2009/QĐ-UBND	*Quận 9, ngày 20 tháng 02 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chia tách Tổ dân phố tại Khu phố 1 và Khu phố 3 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố;

Căn cứ Công văn số 1166/SNV-XDCQ ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn quy trình và hồ sơ chia tách, thành lập, sắp xếp khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân;

Xét Tờ Trình số 02/TTr-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B về việc chia tách Tổ dân phố; Phương án số 01/PA-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B về việc chia tách, thành lập Tổ dân phố tại Khu phố 1 và Khu phố 3 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chia tách Tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Tổ) tại Khu phố 1 và Khu phố 3 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B theo Phương án đề nghị của Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B như sau:

1. Tại Khu phố 1: Tổ 6 được chia tách thành 02 Tổ với tên gọi là Tổ 6 (phần giữ lại) và Tổ 9.

Như vậy, tổng số Tổ dân phố sau khi chia tách tại Khu phố 1 là 09 Tổ dân phố.

2. Tại Khu phố 3: mỗi Tổ 3, Tổ 5, Tổ 6, Tổ 7 được chia tách như sau:

- Tổ 3 được chia tách thành 02 Tổ với tên gọi là Tổ 3 (phần giữ lại) và Tổ 3A;

- Tổ 5 được chia tách thành 02 Tổ với tên gọi là Tổ 5 (phần giữ lại) và Tổ 5A;

- Tổ 6 được chia tách thành 02 Tổ với tên gọi là Tổ 6 (phần giữ lại) và Tổ 6A;

- Tổ 7 được chia tách thành 02 Tổ với tên gọi là Tổ 7 (phần giữ lại) và Tổ 7A.

Như vậy, tổng số Tổ dân phố sau khi chia tách tại Khu phố 3 là 12 Tổ dân phố.

Điều 2. Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B có trách nhiệm tổ chức thực hiện các thủ tục liên quan, đồng thời tiến hành bầu Ban điều hành cho các Tổ dân phố mới được chia tách nhằm đảm bảo hoạt động và hoàn thành có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn Phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thị Tám

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2009/QĐ-UBND	*Quận 9, ngày 06 tháng 3 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chia tách Tổ dân phố tại Khu phố 2 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 72/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, khu phố;

Căn cứ Công văn số 1166/SNV-XDCQ ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn quy trình và hồ sơ chia tách, thành lập, sắp xếp khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân;

Xét Tờ Trình số 01/TTr-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B về việc chia tách Tổ dân phố; Phương án số 02/PA-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B về việc chia tách, thành lập Tổ dân phố tại Khu phố 2 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chia tách Tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Tổ) tại Khu phố 2 thuộc phường Tăng Nhơn Phú B theo Phương án đề nghị của Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B.

Hiện trạng tại Khu phố 2 có 10 Tổ và các Tổ được chia tách cụ thể như sau:

Phương án chia tách các Tổ với tên gọi theo hiện trạng	**Tên gọi mới sau chia tách (Số Tổ)**	**Số hộ sau chia tách**	**Số nhân khẩu sau chia tách**
Tổ 1 và một phần Tổ 3	Tổ 1	41	214
Một phần Tổ 2	Tổ 2	48	215
Một phần Tổ 3	Tổ 3	65	255
Một phần Tổ 3	Tổ 4	45	200
Tổ 4 và một phần Tổ 5	Tổ 5	91	369
Một phần Tổ 5	Tổ 6	54	210
Một phần Tổ 5 và một phần Tổ 7	Tổ 7	39	167
Một phần Tổ 6 và một phần Tổ 7	Tổ 8	62	234
Một phần Tổ 6	Tổ 9	109	373
Một phần Tổ 2 và một phần Tổ 6	Tổ 10	64	262
Một phần Tổ 7 và một phần Tổ 8	Tổ 11	68	247
Một phần Tổ 5, một phần Tổ 8 và Một phần Tổ 10	Tổ 12	71	271
Một phần Tổ 8 và một phần Tổ 10	Tổ 13	35	142
Một phần Tổ 10	Tổ 14	83	260
Một phần Tổ 8 và một phần Tổ 10	Tổ 15	80	264
Một phần Tổ 8	Tổ 16	52	146
Tổ 9	Tổ 17	117	466
Tổng	**17**	**1.124**	**4.295**

Như vậy, tổng số Tổ dân phố sau khi chia tách tại Khu phố 2 là 17 Tổ dân phố.

Điều 2. Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B có trách nhiệm tổ chức thực hiện các thủ tục liên quan, đồng thời tiến hành bầu Ban điều hành cho các Tổ dân phố mới được chia tách nhằm đảm bảo hoạt động và hoàn thành có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn Phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tăng Nhơn Phú B chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thị Tám

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2009/CT-UBND	*Quận 12, ngày 02 tháng 4 năm 2009*

CHỈ THỊ
Về tăng cường vận động hiến máu nhân đạo năm 2009

Hiến máu nhân đạo là một trong những hoạt động xã hội mang ý nghĩa nhân đạo từ thiện, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và triển khai sâu rộng trong toàn thể CB-CNV, lực lượng vũ trang, học sinh, sinh viên và nhân dân cùng tham gia. Trong nhiều năm qua phong trào hiến máu nhân đạo của quận 12 ngày càng phát triển số người hiến máu tự nguyện đã đạt và vượt chỉ tiêu thành phố giao, số lượng vận động năm sau cao hơn năm trước nhưng tỷ lệ vận động vẫn còn thấp so với các quận, huyện bạn.

Nhằm đảm bảo thực hiện tốt Chỉ thị số 24/2008/CT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường vận động hiến máu nhân đạo năm 2009. Đồng thời, hoàn thành chỉ tiêu hiến máu năm 2009 do thành phố giao và đáp ứng phần nào nhu cầu máu an toàn cho cấp cứu và điều trị bệnh cho nhân dân, Ủy ban nhân dân quận chỉ thị như sau:

1. Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, công ty, xí nghiệp, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang quận và Ủy ban nhân dân 11 phường tăng cường công tác tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo, phấn đấu năm 2009 đạt trên 2.100 đơn vị máu, chất lượng máu sạch, tốt đạt trên 94%, tích cực vận động người hiến máu nhân đạo loại 350ml - 450ml đạt trên 35% với chỉ tiêu cụ thể như sau:

Giao Ban Chỉ đạo vận động Hiến máu nhân đạo 11 phường trong năm 2009 theo chỉ tiêu phân bổ như sau:

1. Phường Tân Thới Nhất	200 đơn vị
2. Phường Tân Chánh Hiệp	200 đơn vị

3. Phường Tân Thới Hiệp	200 đơn vị
4. Phường Hiệp Thành	200 đơn vị
5. Phường Đông Hưng Thuận	190 đơn vị
6. Phường Trung Mỹ Tây	190 đơn vị
7. Phường Tân Hưng Thuận	190 đơn vị
8. Phường Thới An	180 đơn vị
9. Phường Thạnh Lộc	180 đơn vị
10. Phường Thạnh Xuân	180 đơn vị
11. Phường An Phú Đông	180 đơn vị

2. Giao Chỉ tiêu các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể quận:

- **Phòng Giáo dục quận:** vận động các đối tượng là cán bộ, công chức, giáo viên, công nhân viên các trường học trên địa bàn quận 50 lượt người/năm.

- **Các trường trung học phổ thông:** vận động trong cán bộ, công chức, giáo viên, học sinh tham gia hiến máu tình nguyện đạt 10% tổng số người thuộc trường quản lý.

- **Các đơn vị phòng, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, trung tâm, trạm, trại**: *(thuộc các đơn vị hành chính sự nghiệp)* vận động trong cán bộ, công chức thuộc đơn vị mình tham gia hiến máu nhân đạo đạt ít nhất 10% tổng số cán bộ, công chức đơn vị quản lý *(yêu cầu không được vận động hoặc lấy chỉ số của khối phường)*.

- **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quận:** có trách nhiệm vận động cán bộ, hội viên mình tham gia hiến máu tại các điểm của phường và các chỉ tiêu này chỉ được tính cho khối phường, các hội đoàn thể chỉ lấy thông số của hội viên mình để thông tin báo cáo theo yêu cầu góp phần hoàn thành chỉ tiêu chung của quận.

3. Hội Chữ thập đỏ quận:

- Chịu trách nhiệm về nội dung tổ chức nói chuyện chuyên đề về công tác hiến máu theo đăng ký của các đơn vị.

- Cung cấp tài liệu tuyên truyền về hiến máu nhân đạo cho các đơn vị.

- Bố trí các điểm hiến máu tại các phường, các đơn vị theo yêu cầu, mời xe hiến máu lưu động thành phố đến tiếp nhận máu hoặc tổ chức xe đưa rước người đến Trung tâm Hiến máu nhân đạo thành phố để thực hiện hiến máu.

- Theo dõi báo cáo tiến độ hiến máu và tổ chức sơ, tổng kết khen thưởng.

4. Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao và Trung tâm Văn hóa:

Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về hiến máu nhân đạo bằng các hình thức cổ động trực quan (panô, khẩu hiệu, xe cổ động), thông tin lưu động lồng ghép tổ chức biểu diễn văn nghệ, cổ động tuyên truyền trên đài truyền thanh các phường, Bản tin của quận, chú trọng nêu gương điển hình những đơn vị làm tốt công tác hiến máu và những người hiến máu nhiều lần.

5. Bệnh viện: cử bác sĩ theo dõi sức khỏe cho những đối tượng tham gia hiến máu nhân đạo theo tiêu chuẩn do Ban Chỉ đạo Hiến máu nhân đạo thành phố quy định.

6. Ủy ban nhân dân 11 phường:

- Củng cố Ban Chỉ đạo vận động Hiến máu nhân đạo và xây dựng kế hoạch vận động cụ thể theo chi tiêu được giao.

- Phối hợp với các ngành, đoàn thể quận để vận động tham gia hiến máu nhân đạo tại địa phương đạt chỉ tiêu được giao.

Ủy ban nhân dân quận đề nghị Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường tăng cường công tác tuyên tuyền, vận động hiến máu nhân đạo, đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2009/QĐ-UBND	*Tân Phú, ngày 01 tháng 4 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 65/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn tổ chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc thành lập Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận Tân Phú tại Tờ trình số 256/TTr-NV ngày 30 tháng 3 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú.

Căn cứ Quy chế này và các quy định của pháp luật, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng ban hành quy chế làm việc của Ban phù hợp đặc điểm, tình hình cụ thể của đơn vị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/2005/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2005 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú.

Điều 2. Vị trí pháp lý

Tên gọi: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú là đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, đồng thời chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định.

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú có chức năng, nhiệm vụ:

1. Lập phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định;

2. Giúp Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án thực hiện nhiệm vụ tại điểm a khoản 4 Điều 43 của Quy định kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án về tính chính xác, sự phù hợp chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

3. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư; kiểm kê thực tế so sánh với tờ khai có sự tham gia của người được bồi thường và chủ sử dụng đất. Xác định tổng mức phải bồi thường cho toàn bộ diện tích đất thu hồi, toàn bộ tài sản hiện có trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác. Xác định mức bồi thường, hỗ trợ cho từng đối tượng, lưu trữ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của dự án theo quy định;

4. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo, đề xuất Hội đồng Bồi thường của dự án hoặc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú xem xét giải quyết;

5. Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị có liên quan để bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất chính xác, đúng đối tượng;

6. Phối hợp các ban, ngành, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị có liên quan trên địa bàn quận để nghiên cứu, đề xuất giải quyết các trường hợp xin cứu xét hoặc khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đối với các dự án trên địa bàn quận do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện;

7. Phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định;

8. Lập bản vẽ hoặc hợp đồng thuê các đơn vị tư vấn có chức năng đo vẽ hiện trạng nhà, đất để làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện;

9. Tổng hợp nhu cầu tái định cư của các dự án công ích trên địa bàn quận cho từng giai đoạn và kế hoạch giải quyết tái định cư cho các dự án này;

10. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc rao mua quỹ nhà, đất tái định cư theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố tại Chỉ thị số 32/2006/CT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2006 về tập trung giải quyết tái định cư cho các hộ đang tạm cư trong thời gian dài trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số

118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố, Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố và các quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Ủy ban nhân dân thành phố;

11. Thường xuyên cập nhật giá cả liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (nhà ở, đất ở, giá vật liệu xây dựng…);

12. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận rà soát quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, quỹ đất dôi dư sau khi xử lý thu hồi từ các doanh nghiệp, tổ chức; các dự án phát triển nhà thương mại có sử dụng quỹ đất công để xác định quỹ nhà, đất có thể sử dụng bố trí tái định cư;

13. Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các dự án tái định cư trên địa bàn, báo cáo các khó khăn, vướng mắc và đề xuất hướng tháo gỡ;

14. Phối hợp các cơ quan chuyên môn liên quan, Ủy ban nhân dân phường thuộc Ủy ban nhân dân quận và sở - ngành, để theo dõi, hỗ trợ các hộ dân ổn định cuộc sống sau khi di dời theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố;

15. Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng, tổng kết năm của công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các sở - ngành liên quan;

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Cán bộ lãnh đạo:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú do Trưởng ban phụ trách, có từ 2 đến 3 Phó Trưởng ban giúp việc Trưởng ban.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Cơ cấu các phòng chức năng, nghiệp vụ trực thuộc:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú có các phòng chức năng, nghiệp vụ sau:

- Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;

- Phòng Kế toán tài vụ;

- Phòng Nghiệp vụ;

- Phòng Tái định cư - Tiếp dân, tuyên truyền, vận động, giải quyết khiếu nại, tố cáo và Kiểm tra hồ sơ bồi thường.

Trong quá trình công tác, triển khai thực hiện công việc, căn cứ nhu cầu thực tế cần thành lập thêm phòng chức năng, nghiệp vụ, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng với sự thống nhất của Phòng Nội vụ trình đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập.

Mỗi phòng có 01 Trưởng phòng và có từ 1 đến 2 Phó Trưởng phòng;

3. Thẩm quyền thành lập, sáp nhập và sắp xếp các Phòng thuộc Ban; thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh:

a) Thành lập, sáp nhập và sắp xếp các Phòng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

b) Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh:

Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú;

Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn thuộc thẩm quyền của Trưởng ban.

Chương III
CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG

Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, viên chức

Chế độ tiền lương của cán bộ, viên chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lương vũ trang.

Quá trình công tác tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng theo diện hợp đồng của cán bộ, viên chức được tính là thời gian liên tục, để tính mức lương trong việc xét tuyển, bổ nhiệm ngạch.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp kế toán

1. Chế độ phụ cấp chức vụ:

a) Lãnh đạo Ban:

- Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,40.

- Phó Trưởng ban hưởng phụ cấp chức vụ: 0,30.

b) Cán bộ quản lý phòng chuyên môn:

- Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức: 0,20.

- Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức: 0,15.

2. Chế độ phụ cấp kế toán:

- Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,30.

- Phụ trách kế toán được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,20.

Chương IV
ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 7. Định mức biên chế

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống các đơn vị sự nghiệp nhà nước, được giao định mức biên chế khung và sử dụng một phần kinh phí ngân sách (nếu có, đối với đơn vị có nguồn thu không đủ trang trải).

Tùy theo tình hình, đặc điểm công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú quyết định định mức biên chế trong tổng số biên chế sự nghiệp khác của quận Tân Phú được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Ngoài định mức biên chế nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cho phép Thủ trưởng đơn vị được hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động), hợp đồng thuê, khoán công việc đối với những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên để đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị.

Điều 8. Cơ chế tài chính

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú là đơn vị sự nghiệp công lập; áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

Điều 9. Nguồn kinh phí

Kinh phí hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú được trích từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận Tân Phú.

Trường hợp đặc biệt kinh phí trích từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận Tân Phú không đủ chi, thì Ủy ban nhân dân quận Tân Phú căn cứ vào cân đối ngân sách quận Tân Phú để bổ sung kinh phí hoạt động theo quy định.

Chương V
TUYỂN DỤNG, BỔ NHIỆM NGẠCH, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 10. Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch quản lý và sử dụng viên chức

Viên chức vào làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được tổ chức xét tuyển, thực hiện chế độ tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức hoặc hợp đồng lao động và tổ chức quản lý, sử dụng viên chức theo quy định tại:

- Bộ Luật Lao động;

- Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998;

- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000;

- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

- Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

- Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP;

- Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP;

- Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền xét tuyển và bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức

Trưởng ban đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thành lập Hội đồng và thực hiện việc xét tuyển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch hoặc đề nghị Sở Nội vụ bổ nhiệm ngạch theo thẩm quyền.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý kỷ luật cán bộ, viên chức

Cán bộ, viên chức làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng được khen thưởng và xét danh hiệu thi đua theo quy định hiện hành và xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và Bộ Luật Lao động.

Chương VI
PHÂN CÔNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN, PHÓ TRƯỞNG BAN VÀ CÁC PHÒNG HOẶC TỔ CHỨC NĂNG

Điều 13. Phân công, chế độ trách nhiệm

1. Trưởng ban:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, đồng thời chịu sự hướng dẫn của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan;

- Điều hành hoạt động của Ban; chỉ đạo cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban; lập, trình duyệt phương án tổng thể hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận;

- Tham gia thành viên Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận và thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc theo quy định tại chức năng, nhiệm vụ của Quy chế này;

- Giúp Ủy ban nhân dân quận xây dựng và ban hành quy trình giải quyết hồ sơ, thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

2. Các Phó Trưởng ban:

Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo lĩnh vực công tác do Trưởng ban phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, liên đới chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao. Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền thực hiện một số công việc cụ thể theo quy định.

3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban về các lĩnh vực được phân công;

- Soạn thảo và tham mưu cho Trưởng ban ký ban hành nội quy, chức năng, nhiệm vụ cụ thể và chế độ trách nhiệm của từng phòng thuộc đơn vị;

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của đơn vị;

- Tham mưu cho lãnh đạo đơn vị giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm cho đơn vị;

- Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị.

4. Cán bộ, viên chức, nhân viên:

Cán bộ, viên chức, nhân viên làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc, là người có phẩm chất, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan trong thi hành công vụ và chấp hành nghiêm túc sự phân công của lãnh đạo Ban, phòng.

Chương VII
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 14. Chế độ làm việc và hội họp

1. Chế độ làm việc:

Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và của quận Tân Phú.

Cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể và đeo thẻ theo quy định.

Cán bộ, viên chức, nhân viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, hòa nhã, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân cũng như của đồng nghiệp.

2. Chế độ hội họp:

Định kỳ hàng tuần họp giao ban giữa lãnh đạo Ban với các Trưởng phòng để kiểm điểm công tác trong tuần qua và triển khai công tác tuần tới.

Hàng tháng họp toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên của đơn vị một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng qua và đề ra công tác cho tháng

tiếp theo; đồng thời, phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương và có văn bản báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận và sở - ngành liên quan.

Hàng quý, 6 tháng và cuối năm, báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

Ngoài ra, có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

Điều 15. Quan hệ công tác

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Sở Tài chính và các sở - ngành liên quan:

- Đối với Sở Tài chính: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; về quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ và các biểu mẫu về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để quận Tân Phú thực hiện đồng bộ, thống nhất.

- Các sở - ngành có trách nhiệm hướng dẫn các lĩnh vực liên quan, tăng cường việc kiểm tra, thanh tra công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư, các lĩnh vực liên quan tại quận Tân Phú.

- Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc báo cáo kết quả công tác định kỳ, đột xuất và chuyên đề theo yêu cầu của các sở - ngành liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận Tân Phú:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Trưởng ban trực tiếp nhận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và báo cáo Ủy ban nhân dân quận việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Đối với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú là cơ quan Thường trực của Hội đồng, tham mưu cho Hội đồng trong công tác lập phương án tổng thể (trường hợp đã thành lập Hội đồng) và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư.

4. Đối với các cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Phú:

Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của các cơ quan khác, Trưởng ban chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

5. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội quận Tân Phú:

Phối hợp với các ngành, đoàn thể có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, Trưởng ban có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân 11 phường:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp Ủy ban nhân dân phường nơi có dự án đầu tư trong việc điều tra, khảo sát hiện trạng, cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết thực hiện tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi trả tới từng hộ dân để phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Tân Phú theo quy định của Nhà nước.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Ủy ban nhân dân phường, Trưởng ban tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan thuộc quận Tân Phú có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế, sau khi có sự trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ quận Tân Phú./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2009/QĐ-UBND	*Cần Giờ, ngày 27 tháng 3 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy định về định mức sử dụng, giá nước cho các nhóm đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 239/2004/QĐ-UB ngày 20 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh bổ sung Quyết định số 154/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố và Quyết định số 102/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện chính sách thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo 697/TBLT-STC-SGTVT ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Liên Sở Tài chính - Sở Giao thông vận tải về điều chỉnh chi phí vận chuyển nước sạch cung cấp cho nhân dân trên địa bàn huyện Cần Giờ;

Xét đề nghị của Phòng Công Thương huyện tại Báo cáo số 15/BC-CT ngày 03 tháng 3 năm 2009 về đề xuất phương án định mức sử dụng nước cho các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy định về định mức sử dụng, giá nước cho các nhóm

đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ (được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thời gian áp dụng định mức sử dụng nước, giá nước cho các nhóm đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện từ ngày 21 tháng 3 năm 2009.

Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các phòng, ban huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Giám đốc Công ty Dịch vụ Công ích huyện Cần Giờ, các Vệ tinh cung cấp nước và các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về định mức sử dụng, giá nước cho các nhóm đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện)

I. NHÓM 01 - CÁC HỘ DÂN CƯ: gồm các hộ dân, hộ tập thể, chung cư, cư xá, ký túc xá đã có đồng hồ nước tính trên số nhân khẩu thường trú và tạm trú đã đăng ký với chính quyền địa phương (đối tượng thuộc diện tạm trú do Công ty dịch vụ Công ích huyện phối hợp cùng với cơ quan quản lý nhân khẩu xác định). Mỗi nhân khẩu chỉ được đăng ký theo định mức tại một thuê bao đồng hồ nước.

*** Đơn giá áp dụng cho nhóm 01:**

- Trong định mức (đến 4m^3/người/tháng): 2.740 đồng/m^3.

- Trên 4m^3 tính theo giá thành của từng khu vực.

II. NHÓM 02 - CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP, ĐOÀN THỂ:

*** Đơn giá áp cho nhóm 02:** 6.040 đồng/m^3.

III. NHÓM 03 - ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:

1. Đối với hộ sản xuất, chế biến: ngoài định mức nước sinh hoạt áp dụng cho hộ gia đình thì hộ sản xuất được hưởng thêm định mức nước sản xuất theo từng đối tượng, cụ thể:

* Hộ chăn nuôi heo: quy mô dưới 25 con được hưởng thêm định mức nước sản xuất hàng tháng 10m^3/tháng, mỗi mức từ 1 - 10 con tiếp theo được thêm 4m^3/tháng.

* Hộ sản xuất muối: hộ sản xuất muối có thuê mướn dưới 5 lao động được hưởng định mức nước sản xuất hàng tháng 5m^3/tháng, nếu thuê ngoài từ 5 lao động trở lên được hưởng định mức nước sản xuất hàng tháng 8m^3/tháng.

* Hộ nuôi ba ba: quy mô dưới 500 con định mức nước sản xuất hàng tháng 15m^3/tháng, quy mô từ 500 - 1.000 định mức nước sản xuất hàng tháng 25m^3/tháng,

quy mô trên 1.000 con định mức nước sản xuất hàng tháng 35m^3/tháng.

* Hộ trồng trọt: chỉ áp dụng vào mùa nắng từ tháng 12 năm trước đến cuối tháng 5 năm sau; quy mô dưới 02ha định mức nước sản xuất hàng tháng 12m^3/tháng, quy mô từ 02ha trở lên được hưởng định mức 20m^3/tháng.

* Hộ mua bán hải sản định mức nước sản xuất hàng tháng 04m^3/tháng.

* Hộ sản xuất bánh mì: quy mô vốn đầu tư dưới 50 triệu đồng được hưởng định mức nước sản xuất 35m^3/tháng, mỗi mức vốn đầu tư tăng thêm từ 01 - 50 triệu đồng được tăng thêm định mức nước kinh doanh hàng tháng tương ứng 8m^3/tháng.

* Hộ sản xuất khác (làm giá sống, làm mắm…): nếu có nhu cầu sử dụng nước để phục vụ sản xuất, phải xây dựng phương án sử dụng nước thông qua Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

2. Đối với cơ sở sản xuất, chế biến: chỉ hưởng định mức nước sản xuất hàng tháng. Chủ cơ sở xây dựng phương án sử dụng nước thông qua Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

3. Đối với các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp: chủ đầu tư xây dựng phương án sử dụng nước thông qua Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

4. Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, chế biến: trên cơ sở mức sử dụng nước bình quân 3 tháng gần nhất (tháng 11, 12 năm 2008 và tháng 01 năm 2009) của doanh nghiệp làm định mức sử dụng nước sản xuất hàng tháng cho từng doanh nghiệp sản xuất.

*** Đơn giá áp cho nhóm 03:**

- Trong định mức: 4.540 đồng/m^3.

- Vượt định mức: tính theo giá thành của từng khu vực.

IV. NHÓM 04 - ĐƠN VỊ KINH DOANH - DỊCH VỤ:

1. Đối với hộ kinh doanh - dịch vụ: ngoài định mức nước sinh hoạt áp dụng cho hộ gia đình thì hộ kinh doanh - dịch vụ được hưởng thêm định mức nước kinh doanh - dịch vụ theo từng đối tượng, cụ thể:

* Hộ kinh doanh ăn uống, giải khát (không kinh doanh phòng trọ): quy mô vốn đầu tư dưới 50 triệu đồng được hưởng định mức nước kinh doanh 8m^3/tháng, mỗi

mức vốn đầu tư tăng thêm từ 01 - 50 triệu đồng được tăng thêm định mức nước kinh doanh hàng tháng tương ứng 4m^3/tháng.

* Hộ kinh doanh ăn uống, giải khát và có kinh doanh phòng trọ có quy mô dưới 10 phòng được hưởng định mức nước kinh doanh hàng tháng 20m^3/tháng, mỗi phòng tăng thêm được hưởng thêm 1,5m^3/tháng.

* Hộ kinh doanh tạp hóa: ngoài định mức nước sinh hoạt áp dụng cho hộ gia đình, các hộ kinh doanh tạp hóa được hưởng thêm định mức nước sử dụng cho mục đích kinh doanh là 02m^3/tháng (mục tiêu khuyến khích phát triển loại hình kinh doanh tạp hóa).

* Hộ kinh doanh dịch vụ rửa xe:

- Hộ rửa xe 02 bánh: rửa với số lượng dưới 10 chiếc xe/ngày được hưởng định mức nước kinh doanh hàng tháng 12m^3/tháng, từ 10 đến 20 chiếc xe/ngày hưởng định mức nước 20m^3/tháng, trên 20 chiếc xe/ngày hưởng định mức nước 25m^3/tháng.

- Hộ rửa xe 04 bánh trở lên: rửa với số lượng đến 5 chiếc xe/ngày được hưởng định mức nước kinh doanh hàng tháng 20m^3/tháng, rửa từ 6 - 10 chiếc xe/ngày hưởng định mức nước 35m^3/tháng, rửa trên 10 chiếc xe/ngày hưởng định mức 40m^3/tháng.

* Hộ kinh doanh - dịch vụ khác (dịch vụ đổi nước lẻ; phòng mạch; uốn tóc; vật liệu xây dựng…) nếu có nhu cầu sử dụng nước phục vụ mục đích kinh doanh - dịch vụ phải lập phương án sử dụng nước và gửi Phòng Công Thương thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

2. Đối với các cơ sở kinh doanh - dịch vụ: chỉ được hưởng định mức nước kinh doanh - dịch vụ:

* Cơ sở sản xuất nước đá: có công suất thực tế dưới 100 cây/ngày định mức nước sản xuất hàng tháng 180m^3/tháng, công suất thực tế từ 100 - 150 cây/ngày hưởng định mức 265m^3/tháng, công suất thực tế từ 151 - 200 cây/ngày hưởng định mức 345m^3/tháng, công suất thực tế trên 200 cây/ngày thì chủ cơ sở phải xây dựng phương án sử dụng nước gửi Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

* Cơ sở sản xuất nước tinh khiết: áp dụng định mức theo công suất sản xuất thực tế của từng cơ sở.

* Đối với các cơ sở kinh doanh - dịch vụ khác: chủ cơ sở kinh doanh phải xây dựng phương án sử dụng nước gửi Phòng Công Thương huyện thẩm định, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ:

a) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch: trên cơ sở mức sử dụng nước bình quân 3 tháng gần nhất (tháng 11, 12 năm 2008 và tháng 01 năm 2009) của doanh nghiệp làm định mức sử dụng nước kinh doanh - dịch vụ hàng tháng cho từng doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh - dịch vụ khác: doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng nước và gửi Phòng Công Thương huyện thẩm định để tham mưu định mức sử dụng nước kinh doanh dịch vụ cho từng doanh nghiệp, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

*** Đơn giá áp cho nhóm 04:**

- Trong định mức: 8.040 đồng/m^3.

- Vượt định mức: tính theo giá thành của từng khu vực.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Sơn

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng